

Số: 2978 /QĐ-ĐHKT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc duyệt danh sách sinh viên thuộc diện miễn, giảm học phí
xét đợt 1, học kỳ cuối năm 2024

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1146/QĐ-TTg ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh thành Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-ĐHKT-HĐĐH ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng đại học Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Lãnh đạo Ban Đào tạo và Lãnh đạo Ban Tài chính - Kế hoạch đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt danh sách 195 (một trăm chín mươi lăm) sinh viên thuộc diện miễn, giảm học phí xét đợt 1, học kỳ cuối năm 2024 (Danh sách đính kèm).

Điều 2. Lãnh đạo Ban Đào tạo, Lãnh đạo Ban Tài chính - Kế hoạch đầu tư, các Trưởng đơn vị liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

PGS.TS. Bùi Quang Hùng

DANH SÁCH SINH VIÊN THUỘC DIỆN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
XÉT ĐỢT 1, HỌC KỲ CUỐI NĂM 2024
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2978 /QĐ-ĐHKT-ĐT
ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Giám đốc Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Mã lớp sinh viên	Khối ngành	Diện miễn, giảm học phí	Mức miễn, giảm học phí	Ghi chú
1	31211023238	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	23/10/2003	DH47KN003	III	BTTT	100 %	
2	31211024640	Lê Thị Thu	Phương	23/10/2003	DH47AD001	III	C.TNLD, BNN	50 %	
3	31211022629	Phùng Trần Văn	Quang	09/07/2002	DH47AE003	VII	C.TNLD, BNN	50 %	
4	31211025586	Phạm Thị Bảo	Huyền	03/10/2003	DH47IB003	III	C.TNLD, BNN	50 %	
5	31211023051	Nguyễn Thanh	Thảo	27/03/2003	DH47IBU05	III	C.TNLD, BNN	50 %	
6	31211022870	Phạm Thị Thúy	Quỳnh	27/09/2003	DH47IF002	III	C.TNLD, BNN	50 %	
7	31211022818	Lê Huy	Hoàng	06/10/2003	DH47IV001	VII	C.TNLD, BNN	50 %	
8	31211023131	Hoàng Thị Thanh	Huyền	04/09/2003	DH47KM001	III	C.TNLD, BNN	50 %	
9	31211022652	Bùi Tiểu	Phương	01/01/2003	DH47KMC01	III	C.TNLD, BNN	50 %	
10	31211023850	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	02/11/2003	DH47KN001	III	C.TNLD, BNN	50 %	
11	31211022878	Nguyễn Tiến	Dũng	19/03/2003	DH47KNC03	III	C.TNLD, BNN	50 %	
12	31211025569	Hồ Thị Quỳnh	Anh	07/04/2003	DH47MR001	III	C.TNLD, BNN	50 %	

hanle

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Mã lớp sinh viên	Khối ngành	Diện miễn, giảm học phí	Mức miễn, giảm học phí	Ghi chú
13	31211022204	Trần Thanh	Giang	25/09/2002	DH47PM001	III	C.TNLD, BNN	50 %	
14	31211026958	Lê Ngọc Thanh	Tâm	29/01/2003	DH47RM001	III	C.TNLD, BNN	50 %	
15	31211023898	Nguyễn Ngọc	Thu	11/03/2003	DH47BI002	III	CBB2/3	100 %	
16	31211026445	Nguyễn Thị Hoài	Thương	05/05/2003	DH47CD001	III	CBB2/3	100 %	
17	31211022952	Vũ Thị Cẩm	Thủy	22/08/2003	DH47HQ001	III	CBB2/3	100 %	
18	31211025462	Nguyễn Đức	Tường	28/09/2003	DH47IBC05	III	CBB2/3	100 %	
19	31211020301	Trần Tổ	Hiền	28/10/2003	DH47KMC02	III	CBB2/3	100 %	
20	31211022423	Ngô Kiều	Anh	05/06/2003	DH47CL001	III	CMM	100 %	
21	31211025468	Nguyễn Ngọc	Trân	19/10/2003	DH47KN010	III	CMM	100 %	
22	31211021025	Phạm Mai	Trình	13/10/2003	DH47IB004	III	CTB1/4	100 %	
23	31211027827	Võ Đức Trung	Hiếu	06/04/2003	DH47SC003	V	CTB2/4	100 %	
24	31211024271	Hà Quang	Minh	08/07/2003	DH47ADC01	III	CTB3/4	100 %	
25	31211024675	Lê Trần	Trung	07/11/2003	DH47EE003	III	CTB3/4	100 %	
26	31211027259	Nguyễn Đào Như	Ánh	02/08/2003	DH47EE003	III	CTB3/4	100 %	
27	31211023127	Nguyễn Lê Kim	Chi	04/09/2003	DH47FNC08	III	CTB3/4	100 %	
28	31211025993	Trần Ngọc Khánh	Vy	05/01/2003	DH47FNC10	III	CTB3/4	100 %	
29	31211023414	Trần Đức	Tâm	04/10/2003	DH47HR004	III	CTB3/4	100 %	
30	31211021894	Vũ Thị Thúy	Ngân	15/07/2003	DH47KO001	III	CTB3/4	100 %	
31	31211027498	Đỗ Hạnh Yến	Nhi	10/07/2003	DH47LK002	III	CTB3/4	100 %	

Sanke

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Mã lớp sinh viên	Khối ngành	Diện miễn, giảm học phí	Mức miễn, giảm học phí	Ghi chú
32	31211020785	Văn Phạm Cẩm	Tú	20/09/2003	DH47MR003	III	CTB3/4	100 %	
33	31211027109	Trần Ánh Quí	Dương	05/03/2003	DH47MR003	III	CTB3/4	100 %	
34	31211025135	Nguyễn Mai	Như	16/01/2003	DH47PM002	III	CTB3/4	100 %	
35	31211021097	Lê Thị Bích	Liên	22/07/2003	DH47TK001	VII	CTB3/4	100 %	
36	31211020517	Hoàng Anh	Trúc	14/04/2003	DH47AUC02	III	CTB4/4	100 %	
37	31211021198	Trần Hoàng	Anh	10/05/2003	DH47CD001	III	CTB4/4	100 %	
38	31211022375	Nguyễn Thị Huyền	My	05/05/2003	DH47CD001	III	CTB4/4	100 %	
39	31211022434	Phùng Thị Ái	Ly	03/12/2003	DH47EM002	III	CTB4/4	100 %	
40	31211025487	Phạm Quang	Huy	22/05/2003	DH47FNC09	III	CTB4/4	100 %	
41	31211025670	Nguyễn Thị Thảo	Quỳnh	21/05/2003	DH47HQ001	III	CTB4/4	100 %	
42	31211024472	Đoàn Thị Huyền	Trang	16/02/2003	DH47HR002	III	CTB4/4	100 %	
43	31211026258	Cao Thị Mỹ	Ngân	23/06/2003	DH47HR002	III	CTB4/4	100 %	
44	31211022563	Hồ Trần Thu	Uyên	14/10/2003	DH47HR003	III	CTB4/4	100 %	
45	31211023502	Nguyễn Hoàng Phương	Linh	02/01/2003	DH47IB003	III	CTB4/4	100 %	
46	31211025797	Nguyễn Trương Ngọc	Anh	23/07/2003	DH47IBC03	III	CTB4/4	100 %	
47	31211026839	Võ Khánh	Linh	02/09/2003	DH47IBC05	III	CTB4/4	100 %	
48	31211020066	Nguyễn Trung	Nhân	12/08/2003	DH47IF002	III	CTB4/4	100 %	
49	31211021047	Trần Khánh	An	21/03/2003	DH47KM002	III	CTB4/4	100 %	
50	31211025234	Đậu Thị Thanh	Trúc	13/09/2003	DH47KMC01	III	CTB4/4	100 %	

hanh

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Mã lớp sinh viên	Khối ngành	Diện miễn, giảm học phí	Mức miễn, giảm học phí	Ghi chú
51	31211021101	Trần Thị	Thương	17/04/2003	DH47KMC02	III	CTB4/4	100 %	
52	31211024572	Từ Thị Thanh	Tâm	11/07/2003	DH47KN006	III	CTB4/4	100 %	
53	31211020343	Vũ Đức	Hiền	30/06/2003	DH47KN010	III	CTB4/4	100 %	
54	31211025694	Đỗ Hạ	Phuong	15/05/2003	DH47KN010	III	CTB4/4	100 %	
55	31211026471	Nguyễn Phương	Vy	21/05/2003	DH47KNC05	III	CTB4/4	100 %	
56	31211028340	Trần Khánh	Ngọc	16/08/2003	DH47KS002	VII	CTB4/4	100 %	
57	31211021463	Thái Thị Ngọc	Thảo	15/12/2003	DH47NH002	III	CTB4/4	100 %	
58	31211025261	Nguyễn Thị Thảo	Quyên	24/09/2003	DH47TB001	III	CTB4/4	100 %	
59	31211026196	Trần Khánh	Chi	18/02/2003	DH47TX001	III	CTB4/4	100 %	
60	31211020431	Na Sóc	Chiết	02/01/2003	DH47AD004	III	VS, DTTS	70 %	
61	31211025188	Tô Hòa Hải	Yến	26/01/2003	DH47ADC02	III	VS, DTTS	70 %	
62	31211026003	Sơn Hồng	Đức	29/10/2001	DH47EE003	III	VS, DTTS	70 %	
63	31211024656	Lý Diệp	Khải	16/05/2003	DH47FT001	III	VS, DTTS	70 %	
64	31211024597	Tăng Thiên	Bảo	30/09/2003	DH47HR004	III	VS, DTTS	70 %	
65	31211026844	Trần Tiến	Đạt	11/04/2003	DH47IB001	III	VS, DTTS	70 %	
66	31211022163	Ngô Nguyễn Nguyệt	Đình	14/04/2003	DH47IBU06	III	VS, DTTS	70 %	
67	31211027508	Ngô Thị Quỳnh	Như	12/01/2003	DH47LK003	III	VS, DTTS	70 %	
68	31211025034	Thạch Thái	Nguyên	14/02/2003	DH47MR003	III	VS, DTTS	70 %	
69	31211022190	Hà Thị	Châm	18/11/2003	DH47PM002	III	VS, DTTS	70 %	

hande

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Mã lớp sinh viên	Khối ngành	Diện miễn, giảm học phí	Mức miễn, giảm học phí	Ghi chú
70	31221023511	Đoàn Công	Phát	25/01/2003	DH48ADC07	III	BTTT	100 %	
71	31221025676	Trịnh Khải	Linh	25/12/2004	DH48LH001	VII	BTTT	100 %	
72	31221024922	Đặng Quang	Khôi	29/09/2004	DH48AD002	III	C.TNLD, BNN	50 %	
73	31221025254	Lê Nhật	Thư	30/09/2004	DH48ADC05	III	C.TNLD, BNN	50 %	
74	31221026136	Lê Thị Hoài	Thương	20/04/2004	DH48ADC07	III	C.TNLD, BNN	50 %	
75	31221026358	Lê Thị Bảo	Tú	26/03/2004	DH48FNC07	III	C.TNLD, BNN	50 %	
76	31221025726	Vũ Thị Thanh	An	10/05/2004	DH48FNC09	III	C.TNLD, BNN	50 %	
77	31221025293	Bùi Dương Xuân	Lộc	16/05/2004	DH48IBC05	III	C.TNLD, BNN	50 %	
78	31221022750	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	24/08/2004	DH48IBU04	III	C.TNLD, BNN	50 %	
79	31221020344	Võ Nguyễn Thiên	Hương	12/03/2004	DH48KN001	III	C.TNLD, BNN	50 %	
80	31221025128	Dương Vân	Anh	09/09/2004	DH48KNC03	III	C.TNLD, BNN	50 %	
81	31221026363	Trần Thị Hải	Yến	25/02/2004	DH48MAR03	III	C.TNLD, BNN	50 %	HKĐ2024 HKC2024
82	31221022353	Võ Huỳnh	Hiếu	17/05/2004	DH48AD003	III	CBB2/3	100 %	
83	31221021550	Lê Thị Quỳnh	Hoa	11/11/2004	DH48KO001	III	CBB2/3	100 %	
84	31221026236	Nguyễn Hoàng	Nhi	09/11/2004	DH48ADC07	III	CĐHH	100 %	
85	31221025100	Trần Mai	Thanh	24/05/2004	DH48KN001	III	CLS	100 %	
86	31221023539	Lê Nguyễn Dạ	Thảo	19/10/2004	DH48INFN1	III	CMM	100 %	
87	31221021480	Tô Nguyễn Anh	Quân	26/08/2004	DH48KN006	III	CTB1/4	100 %	
88	31221027053	Nguyễn Châu	Anh	04/10/2004	DH48KN006	III	CTB1/4	100 %	

hank

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Mã lớp sinh viên	Khối ngành	Diện miễn, giảm học phí	Mức miễn, giảm học phí	Ghi chú
89	31221021275	Nguyễn Quốc Mai	Linh	26/10/2004	DH48MRC02	III	CTB2/4	100 %	
90	31221021067	Dương Bảo	Uyên	06/03/2004	DH48TK001	VII	CTB2/4	100 %	
91	31221024924	Hồ Thị Khánh	Linh	18/06/2004	DH48IBC03	III	CTB3/4	100 %	
92	31221021054	Nguyễn Trần Anh	Thư	12/09/2004	DH48IBU04	III	CTB3/4	100 %	
93	31221026352	Nguyễn Lê Bảo	Trâm	05/08/2004	DH48IVC03	VII	CTB3/4	100 %	
94	31221023182	Ngô Thanh	Trang	13/11/2004	DH48KN004	III	CTB3/4	100 %	
95	31221020874	Bùi Linh	Nga	21/01/2004	DH48KNC02	III	CTB3/4	100 %	
96	31221026086	Vũ Hải	Nam	27/08/2004	DH48LM002	V	CTB3/4	100 %	
97	31221027050	Nguyễn Đức	Phúc	01/08/2004	DH48NQ001	III	CTB3/4	100 %	
98	31221026485	Vì Hoàng Việt	Anh	31/01/2004	DH48RE003	III	CTB3/4	100 %	
99	31221025711	Nguyễn Thọ	Dũng	02/02/2004	DH48ADC04	III	CTB4/4	100 %	
100	31221022152	Cam Đặng Huỳnh	Hương	30/03/2004	DH48AV002	VII	CTB4/4	100 %	
101	31221022725	Bùi Nguyễn Minh	Thư	15/01/2004	DH48CL002	III	CTB4/4	100 %	
102	31221026983	Trần Thị Ngọc	Mai	18/02/2004	DH48CL002	III	CTB4/4	100 %	
103	31221025446	Trần Anh	Thơ	26/12/2004	DH48DD001	VII	CTB4/4	100 %	
104	31221024831	Lê Thị Thanh	Trang	20/08/2004	DH48EE001	III	CTB4/4	100 %	
105	31221026955	Đặng Thị Như	Quỳnh	30/08/2004	DH48EE001	III	CTB4/4	100 %	
106	31221025030	Nguyễn Phương	Thạch	21/03/2004	DH48EM002	III	CTB4/4	100 %	
107	31221025305	Bạch Phúc	Nguyễn	01/02/2004	DH48IBC03	III	CTB4/4	100 %	

hank

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Mã lớp sinh viên	Khối ngành	Diện miễn, giảm học phí	Mức miễn, giảm học phí	Ghi chú
108	31221021967	Phạm Hồng Tiên	Nhi	04/07/2004	DH48KN002	III	CTB4/4	100 %	
109	31221027008	Đỗ Quỳnh	Hương	18/09/2004	DH48KN004	III	CTB4/4	100 %	
110	31221024632	Nguyễn Thành Phúc	Luân	10/12/2004	DH48KN007	III	CTB4/4	100 %	
111	31221024910	Lương Thị Hồng	Hạnh	16/05/2004	DH48LH001	VII	CTB4/4	100 %	
112	31221025047	Trịnh Bá	Lâm	08/12/2004	DH48LM002	V	CTB4/4	100 %	
113	31221024002	Nguyễn Anh	Kiệt	29/08/2004	DH48NQ001	III	CTB4/4	100 %	
114	31221024876	Lê Lộc	Sơn	01/04/2004	DH48SE001	V	CTB4/4	100 %	
115	31221022828	Châu Thị Thanh	Nhi	26/08/2004	DH48AD002	III	VS, DTTS	70 %	
116	31221022395	Thạch Thị Hồng	Diệu	14/05/2003	DH48AV004	VII	VS, DTTS	70 %	
117	31221022978	Trang Thị Yến	Nhi	04/05/2003	DH48AV004	VII	VS, DTTS	70 %	
118	31221024523	Lương Thị Mỹ	Duyên	14/01/2004	DH48EE001	III	VS, DTTS	70 %	
119	31221024605	Hoàng Thị Thanh	Thảo	03/11/2004	DH48EE001	III	VS, DTTS	70 %	
120	31221022983	Lữ Yến	Mai	06/08/2004	DH48EM002	III	VS, DTTS	70 %	
121	31221023002	Nguyễn Trần Quang	Nhất	19/09/2004	DH48ER001	III	VS, DTTS	70 %	
122	31221022994	Lý Mộc	Thái	23/07/2004	DH48HQ002	III	VS, DTTS	70 %	
123	31221026243	Nông Bảo	Trân	01/08/2004	DH48HQ002	III	VS, DTTS	70 %	
124	31221023026	Huỳnh Hữu	Thịnh	13/01/2004	DH48IB002	III	VS, DTTS	70 %	
125	31221025778	Trần Hồ Thực	Uyên	29/02/2004	DH48IBU04	III	VS, DTTS	70 %	
126	31221026391	Trần Thị Thuý	Ngân	02/01/2004	DH48KO001	III	VS, DTTS	70 %	

bank

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Mã lớp sinh viên	Khối ngành	Diện miễn, giảm học phí	Mức miễn, giảm học phí	Ghi chú
127	31221027154	Lưu Bảo	Hân	07/08/2004	DH48LM002	V	VS, DTTS	70 %	
128	31221022381	Kim Thị Du	Mỹ	28/11/2003	DH48MR002	III	VS, DTTS	70 %	
129	31221023019	Vương Khả	Ái	11/06/2004	DH48NQ001	III	VS, DTTS	70 %	
130	31221022897	Đỗ Nhật	Anh	16/06/2004	DH48VA001	VII	VS, DTTS	70 %	
131	31231027394	Võ Thị Khánh	Hòa	01/06/2005	DH49AD0006	III	BTTT	100 %	
132	31231022387	Trần Hồ Kim	Ngân	03/05/2005	DH49AV0003	VII	BTTT	100 %	
133	31231027901	Nguyễn Phương	Anh	14/10/2004	DH49BV0001	III	BTTT	100 %	
134	31231020004	Trần Ngọc Minh	Thư	11/05/2005	DH49LM0001	V	BTTT	100 %	
135	31231020012	Huỳnh Ngọc	Hiếu	17/07/2005	DH49MTP001	III	BTTT	100 %	
136	31231027719	Phan Thị Mỹ	Linh	13/11/2005	DH49TK0001	VII	BTTT	100 %	
137	31231027460	Trần Đài	Trang	12/09/2005	DH49AUP002	III	C.TNLD, BNN	50 %	
138	31231026888	Trần Thùy	Linh	02/11/2005	DH49DD0001	VII	C.TNLD, BNN	50 %	
139	31231027422	Lê Lộc Phúc	Tiên	08/05/2005	DH49EE0001	III	C.TNLD, BNN	50 %	
140	31231026957	Nguyễn Quang	Duy	17/04/2005	DH49FN0001	III	C.TNLD, BNN	50 %	
141	31231026335	Nguyễn Võ Quỳnh	Ly	17/06/2005	DH49FN0003	III	C.TNLD, BNN	50 %	
142	31231025642	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	17/09/2005	DH49IB0005	III	C.TNLD, BNN	50 %	
143	31231026082	Nguyễn Phú	Thăng	29/10/2005	DH49IBP004	III	C.TNLD, BNN	50 %	
144	31231026772	Lê Nguyễn Minh	Nguyệt	17/10/2005	DH49IFP001	III	C.TNLD, BNN	50 %	
145	31231027807	Phạm Thu	Hường	03/01/2005	DH49EE0002	III	CBB2/3	100 %	

hanh

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Mã lớp sinh viên	Khối ngành	Diện miễn, giảm học phí	Mức miễn, giảm học phí	Ghi chú
146	31231023525	Mai Thị Thúy	Liều	02/03/2003	DH49FI0001	III	CBB2/3	100 %	
147	31231023377	Châu Anh	Thư	20/02/2005	DH49KO0001	III	CBB2/3	100 %	
148	31231023417	Đàm Quế	Anh	23/04/2005	DH49TSP001	VII	CBB2/3	100 %	
149	31231027755	Doãn Thị Quỳnh	Anh	12/02/2004	DH49IB0005	III	CBB3/3	100 %	
150	31231025042	Trần Minh	Hoàng	30/07/2005	DH49IB0006	III	CĐHH	100 %	
151	31231023492	Phạm Nguyễn Quốc	An	09/09/2005	DH49IBUF01	III	CĐHH	100 %	
152	31231023690	Phạm Mai	Phuong	12/09/2005	DH49EL0002	III	CLS	100 %	
153	31231020473	Thái Thanh	Phuong	23/02/2005	DH49EM0001	III	CMM	100 %	
154	31231027607	Trần Đức	Mạnh	24/10/2005	DH49IFP001	III	CTB1/4	100 %	
155	31231027713	Nguyễn Thị	Thảo	09/03/2005	DH49KN0006	III	CTB1/4	100 %	
156	31231024804	Trần Phạm Phuong	Thảo	21/01/2005	DH49EL0001	III	CTB2/4	100 %	
157	31231020226	Trần Thị Thùy	Trang	24/12/2005	DH49IBP004	III	CTB2/4	100 %	
158	31231024573	Hà Thị Hồng	Ngọc	20/04/2005	DH49FN0003	III	CTB3/4	100 %	
159	31231024695	Hồ Thị Yến	Như	03/07/2005	DH49IBP001	III	CTB3/4	100 %	
160	31231022313	Nguyễn Diệp Quang	Khánh	18/05/2005	DH49KNP003	III	CTB3/4	100 %	
161	31231025143	Nguyễn Hoàng Khánh	Linh	02/03/2005	DH49AD0006	III	CTB4/4	100 %	
162	31231026165	Nguyễn Hồng	Đức	16/08/2005	DH49AD0006	III	CTB4/4	100 %	
163	31231025067	Trần Thị Ngọc	Liên	14/08/2005	DH49AV0002	VII	CTB4/4	100 %	
164	31231022587	Mai Thị Cẩm	Như	25/06/2005	DH49FN0005	III	CTB4/4	100 %	

hand

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Mã lớp sinh viên	Khối ngành	Diện miễn, giảm học phí	Mức miễn, giảm học phí	Ghi chú
165	31231027560	Nguyễn Thị Hà	Giang	20/01/2005	DH49MR0002	III	CTB4/4	100 %	
166	31231025900	Hoàng Việt	Phú	09/04/2005	DH49AD0006	III	VS, DTTS	70 %	
167	31231024408	Lý Nhật	Tiến	11/12/2005	DH49AD0008	III	VS, DTTS	70 %	
168	31231026489	Lương Quốc	An	09/08/2005	DH49AD0008	III	VS, DTTS	70 %	
169	31231023576	Son Thị Ngọc	Thúy	08/06/2004	DH49EE0002	III	VS, DTTS	70 %	
170	31231027744	Lê Hương	Giang	06/11/2005	DH49EE0002	III	VS, DTTS	70 %	
171	31231026508	Hà Khánh	Đan	19/08/2005	DH49ELP002	III	VS, DTTS	70 %	
172	31231024451	Nguyễn Phụng	Quỳnh	29/12/2005	DH49FEP001	III	VS, DTTS	70 %	
173	31231024748	Chu Hà	Nhi	17/07/2005	DH49HR0003	III	VS, DTTS	70 %	
174	31231024430	Trần Ngọc Tuyết	Nghi	30/07/2005	DH49IB0002	III	VS, DTTS	70 %	
175	31231025892	Hoàng Uyên	Phương	03/08/2005	DH49IV0001	VII	VS, DTTS	70 %	
176	31231024460	Ngô Khả	Vy	27/02/2005	DH49KM0001	III	VS, DTTS	70 %	
177	31231024422	Lý Trọng	Điện	07/03/2005	DH49KN0007	III	VS, DTTS	70 %	
178	31231024456	Lâm Mỹ	Ái	19/04/2005	DH49KNP003	III	VS, DTTS	70 %	
179	31231023568	Quách Thị Mỹ	Duyên	12/12/2004	DH49KO0001	III	VS, DTTS	70 %	
180	31231027948	Kiên Ngọc	Hân	19/04/2004	DH49LM0001	V	VS, DTTS	70 %	
181	31231027947	Tè Thị Hồng	Đào	24/02/2004	DH49MR0002	III	VS, DTTS	70 %	
182	31231027949	Ka	Hảo	28/03/2004	DH49MR0002	III	VS, DTTS	70 %	
183	31231027946	Bế Ngọc	Hải	10/03/2005	DH49NHP002	III	VS, DTTS	70 %	

Handwritten signature

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Mã lớp sinh viên	Khối ngành	Diện miễn, giảm học phí	Mức miễn, giảm học phí	Ghi chú
184	31231024423	Danh Bình	Tính	03/07/2005	DH49SE0001	V	VS, DTTS	70 %	
185	35221025794	Trần Minh	Thành	22/06/1991	LT27.2FN01	III	CTB2/4	100 %	
186	35221025838	Nguyễn Thị	Thúy	01/02/2001	LT27.2IB01	III	CTB2/4	100 %	
187	35221025755	Nguyễn Thùy	Trang	03/09/1998	LT27.2AD03	III	CTB3/4	100 %	
188	35221025081	Trương Tấn	Sang	13/05/2001	LT27.2FT01	III	CTB3/4	100 %	
189	35221025719	Trần Thị Thu	Hương	12/12/2000	LT27.2FT02	III	CTB4/4	100 %	
190	35231022032	Doãn Thị	Yến	20/04/1985	LT28.2KN01	III	CBB2/3	100 %	
191	35231020179	Nguyễn Bích	Trâm	18/12/1999	LT28.1AV01	VII	CTB4/4	100 %	
192	35231020228	Phan Thị Hoài	Xuân	03/03/2000	LT28.1AV01	VII	CTB4/4	100 %	
193	35231022107	Danh	Ảo	01/01/2001	LT28.2KN01	III	VS, DTTS	70 %	
194	35241020400	Đặng Thị	Nhàn	16/04/2002	LT29.1IB02	III	CBB2/3	100 %	
195	35241020778	Lâm Đạt	Nhân	19/03/2000	LT29.1AD02	III	CTB4/4	100 %	

(Danh sách có 195 sinh viên)./.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

PGS.TS. Bùi Quang Hùng